

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Bộ, Viện trưởng Viện Cơ điện nông nghiệp, Viện trưởng Viện Công nghệ sau thu hoạch và Viện trưởng Viện Cơ điện nông nghiệp và công nghệ sau thu hoạch chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Bộ trưởng

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

LÊ HUY NGỌ

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 32/2003/TT-BTC ngày 16/4/2003 hướng dẫn thực hiện các Điều 29, 30 Luật Hải quan, Điều 8 Nghị định số 101/2001/NĐ-CP ngày 31/12/2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan.

Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa X, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/6/2001;

Căn cứ Nghị định số 101/2001/NĐ-CP ngày 31/12/2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi

hành một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan;

Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan như sau:

A. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Tất cả hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phải được cơ quan hải quan kiểm tra bằng một trong các hình thức quy định tại Điều 30 Luật Hải quan.

2. Việc kiểm tra thực tế hàng hóa do công chức hải quan kiểm tra trực tiếp hoặc kiểm tra bằng máy móc, thiết bị kỹ thuật và các biện pháp nghiệp vụ khác.

3. Cơ quan hải quan các cấp có trách nhiệm tổ chức thu thập, trao đổi thông tin để xây dựng cơ sở dữ liệu về quá trình chấp hành pháp luật hải quan của chủ hàng, chính sách quản lý xuất nhập khẩu, tính chất, chủng loại, nguồn gốc hàng hóa xuất nhập khẩu, và các thông tin khác liên quan đến hàng hóa xuất nhập khẩu để dự kiến hình thức, tỷ lệ kiểm tra thực tế hàng hóa;

4. Căn cứ vào cơ sở dữ liệu đã có nói trên và các thông tin về chủ hàng, lô hàng nắm được từ bản lược khai hàng hóa do tàu cung cấp, Chi cục trưởng Hải quan phân tích từng trường hợp và dự kiến trước hình thức kiểm tra thực tế đối với mỗi lô hàng. Nếu tại thời điểm chủ hàng làm thủ tục hải quan cho lô hàng mà không có thông tin gì khác thì lô hàng được áp dụng hình thức kiểm tra như dự kiến.

Nếu có các thông tin mới đến mức cần phải thay đổi hình thức, tỷ lệ kiểm tra thực tế hàng hóa thì Chi cục trưởng quyết định hình thức kiểm tra phù hợp.

B. CÁC HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

I. CĂN CỨ ĐỂ QUYẾT ĐỊNH HÌNH THỨC KIỂM TRA THỰC TẾ HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

Khi xem xét, quyết định hình thức kiểm tra thực tế hàng hóa, Chi cục trưởng phải căn cứ vào:

1. Quá trình chấp hành pháp luật hải quan của chủ hàng đối với mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu;
2. Chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu hiện hành;
3. Tính chất, chủng loại, nguồn gốc hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;
4. Hồ sơ hải quan;
5. Các thông tin khác có liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Trong các căn cứ trên thì căn cứ trước hết, bao trùm là quá trình chấp hành pháp luật hải quan của chủ hàng. Khi quyết định chọn hình thức kiểm tra cụ thể trước hết phải xem xét đến căn cứ này, sau đó mới tiếp tục xem xét đến các căn cứ khác.

II. CĂN CỨ CỤ THỂ VÀ CÁC HÌNH THỨC KIỂM TRA THỰC TẾ

1. Miễn kiểm tra thực tế hàng hóa:

a) Đối với hàng xuất khẩu

a1) Chủ hàng hóa xuất khẩu có quá trình một (1) năm xuất khẩu tính đến ngày làm thủ tục hải quan cho lô hàng xuất khẩu không bị xử lý vi phạm hành chính về hải quan hoặc đã bị xử lý vi phạm hành chính về hải quan với mức phạt trong

thẩm quyền xử phạt của Chi cục trưởng Hải quan; và tại thời điểm làm thủ tục hải quan cho lô hàng xuất khẩu, hải quan không có thông tin gì khác về việc chấp hành pháp luật của chủ hàng và lô hàng.

a2) Mặt hàng xuất khẩu sau đây của chủ hàng đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a1 trên đây được miễn kiểm tra thực tế: Hàng nông sản, thủy sản; hàng dệt may; giấy dếp, cao su tự nhiên; hàng thực phẩm tươi sống; hàng thực phẩm chế biến; hàng hóa cần phải bảo quản đặc biệt; hàng cơ khí điện máy, hàng lông, hàng rời và các mặt hàng mà việc xác định khối lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa phải căn cứ vào kết luận của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc của tổ chức giám định; hàng hóa xuất khẩu của các doanh nghiệp trong khu chế xuất, hàng hóa xuất khẩu thường xuyên; hàng hóa khác do Chính phủ quy định.

a3) Trường hợp doanh nghiệp mới hoạt động xuất nhập khẩu trong thời gian ngắn, chưa đủ thời gian để xem xét quá trình chấp hành pháp luật theo quy định tại điểm a1 nhưng mặt hàng xuất khẩu thuộc đối tượng quy định tại điểm a2 trên đây thì hải quan thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa một số lần đầu xuất khẩu, nếu doanh nghiệp chấp hành tốt pháp luật hải quan thì các lần sau đó được áp dụng hình thức miễn kiểm tra thực tế hàng hóa.

Đối với hàng hóa xuất khẩu khác: Thực hiện việc kiểm tra theo đúng quy định tại Luật Hải quan và Nghị định số 101/2001/NĐ-CP.

a4) Đối với sản phẩm gia công xuất khẩu được miễn kiểm tra thực tế thì khi làm thủ tục hải quan cũng được miễn đôi chiếu mẫu nguyên liệu nhập. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về sử dụng đúng nguyên liệu nhập để sản xuất ra sản phẩm xuất khẩu đó.

b) Đối với hàng nhập khẩu

b1) Chủ hàng hóa nhập khẩu có quá trình hai (2) năm nhập khẩu tính đến ngày làm thủ tục hải quan cho lô hàng nhập khẩu không bị xử lý vi phạm hành chính về hải quan hoặc đã bị xử lý vi phạm hành chính về hải quan với mức phạt trong thẩm quyền xử phạt của Chi cục trưởng Hải quan, và tại thời điểm làm thủ tục hải quan cho lô hàng nhập khẩu, hải quan không có thông tin gì khác về việc chấp hành pháp luật của chủ hàng và lô hàng.

b2) Mặt hàng nhập khẩu sau đây của chủ hàng đáp ứng điều kiện quy định tại điểm b1 trên đây được miễn kiểm tra thực tế: Thiết bị, máy móc; hàng thực phẩm tươi sống; hàng hóa cần phải bảo quản đặc biệt; hàng gửi kho ngoại quan, kho bảo thuế; hàng nhập khẩu đưa vào khu chế xuất, kho bảo thuế hoặc khu vực ưu đãi hải quan khác; hàng lỏng, hàng rời và các mặt hàng mà việc xác định khối lượng, chất lượng, chủng loại phải căn cứ vào kết luận của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc của tổ chức giám định, hàng hóa nhập khẩu thường xuyên; hàng hóa khác do Chính phủ quy định.

b3) Trường hợp doanh nghiệp mới hoạt động xuất nhập khẩu trong thời gian ngắn, chưa đủ thời gian để xem xét quá trình chấp hành pháp luật theo quy định tại điểm b1 nhưng mặt hàng nhập khẩu thuộc đối tượng quy định tại điểm b2 trên đây thì hải quan thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa một số lần đầu nhập khẩu, nếu doanh nghiệp chấp hành tốt pháp luật hải quan thì các lần sau đó hải quan thực hiện việc kiểm tra đột xuất bằng hình thức kiểm tra xác suất theo quy định.

Đối với hàng hóa nhập khẩu khác: Thực hiện việc kiểm tra theo đúng quy định tại Luật Hải quan và Nghị định số 101/2001/NĐ-CP.

b4) Đối với nguyên liệu nhập khẩu để gia công xuất khẩu, nếu thuộc diện được miễn kiểm tra thực tế thì vẫn phải lấy mẫu để làm cơ sở cho kiểm tra khi xuất và kiểm tra sau thông quan. Chi cục trưởng Hải quan quản lý hợp đồng gia công quyết định phải lấy mẫu nguyên liệu nào. Hải quan cửa khẩu nhập thực hiện việc lấy mẫu và niêm phong mẫu theo quy định về lấy mẫu nguyên liệu gia công.

2. Kiểm tra xác suất thực tế hàng hóa:

a) Hình thức kiểm tra xác suất được áp dụng trong các trường hợp sau đây:

- Trường hợp không thuộc diện được miễn kiểm tra theo quy định tại điểm 1 trên đây;

- Trường hợp không thuộc diện phải kiểm tra toàn bộ theo quy định tại điểm 3 dưới đây;

- Trường hợp chủ hàng thuộc diện được miễn kiểm tra, nhưng hàng hóa không thuộc danh mục được miễn kiểm tra thực tế.

b) Tỷ lệ kiểm tra thực tế:

- Đối với hàng xuất khẩu: Tỷ lệ kiểm tra là 3% hoặc 5% đối với mỗi lô hàng xuất khẩu.

- Đối với hàng nhập khẩu: Tỷ lệ kiểm tra là 5% hoặc 10% đối với mỗi lô hàng nhập khẩu.

3. Kiểm tra thực tế toàn bộ lô hàng:

Kiểm tra thực tế toàn bộ lô hàng được áp dụng trong trường hợp sau:

a) Trường hợp 1:

- Chủ hàng đã trên 03 (ba) lần bị xử lý vi phạm hành chính về hải quan trong thời hạn 02 (hai) năm tính đến ngày làm thủ tục hải quan cho lô hàng nhập khẩu và 01 (một) năm tính đến ngày làm thủ tục hải quan cho lô hàng xuất khẩu với mức phạt vượt thẩm quyền xử phạt của Chi cục trưởng Hải quan.

- Chủ hàng, trong thời hạn quy định (hai năm đối với hàng nhập khẩu và một năm đối với hàng xuất khẩu), đã 01 (một) lần bị xử lý vi phạm hành chính về hải quan với mức phạt vượt thẩm quyền xử phạt của Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

b) Trường hợp 2:

Trường hợp phát hiện lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu của chủ hàng không thuộc diện nhiều lần vi phạm có dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan thì cơ quan hải quan tiến hành kiểm tra toàn bộ lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định tại tiết c mục 6 Điều 8 Nghị định số 101/2001/NĐ-CP.

4. Đối với những doanh nghiệp bị phát hiện lợi dụng được hưởng hình thức miễn kiểm tra thực tế hàng hóa để xuất khẩu, nhập khẩu không đúng với khai hải quan, thì ngay sau đó không cho hưởng hình thức miễn kiểm tra này nữa và tiến hành kiểm tra toàn bộ các lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu các lần sau của doanh nghiệp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 30 Luật Hải quan.

Đối với những doanh nghiệp bị phát hiện lợi dụng việc kiểm tra xác suất thực tế hàng hóa để xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa không đúng với khai hải quan thì áp dụng ngay biện pháp kiểm tra toàn bộ.

Đối với doanh nghiệp gia công xuất khẩu, nhập khẩu nguyên liệu sản xuất hàng xuất khẩu bị phát hiện lợi dụng được miễn kiểm tra thực tế hàng hóa hoặc kiểm tra theo tỷ lệ để xuất thiếu hoặc nhập thừa hàng hóa so với khai hải quan thì hải quan các tỉnh, thành phố cần tiến hành kiểm tra, rà soát lại toàn bộ các hồ sơ đã thanh khoản hoặc hoàn thuế nhập khẩu của doanh nghiệp này nếu phát hiện vi phạm thì xử phạt theo quy định của pháp luật.

5. Thẩm quyền quyết định và thay đổi hình thức kiểm tra:

a) Căn cứ vào các tiêu chí quy định tại mục 1, 2, 3 trên đây, Chi cục trưởng Hải quan quyết định hình thức kiểm tra thực tế hàng hóa.

b) Trường hợp lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu được đăng ký tại Chi cục Hải quan ngoài cửa khẩu nhưng việc kiểm tra thực tế do Chi cục Hải quan cửa khẩu thực hiện thì, căn cứ vào tình hình kiểm tra thực tế hàng hóa, Chi cục trưởng Hải quan cửa khẩu có thể quyết định tăng hoặc giảm tỷ lệ kiểm tra, nhưng không thay đổi hình thức kiểm tra.

c) Trong quá trình làm thủ tục hải quan cho lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu, nếu có các thông tin mới đến mức cần phải thay đổi hình thức kiểm tra thì:

- Chi cục trưởng quyết định thay đổi hình thức kiểm tra do mình quyết định trước đó.

- Cục trưởng Hải quan tỉnh, thành phố quyết định thay đổi hình thức kiểm tra do Chi cục trưởng Hải quan quyết định (kể cả Chi cục trưởng Hải quan thuộc tỉnh, thành phố khác).

6. Mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu thường xuyên quy định tại Điều 30 Luật Hải quan và Điều 8 Nghị định số 101/2001/NĐ-CP ngày 31/12/2001 được hiểu là mặt hàng mà doanh nghiệp chuyên xuất khẩu, nhập khẩu, bao gồm cả nguyên liệu nhập khẩu và sản phẩm gia công xuất khẩu, nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu và sản phẩm xuất khẩu.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Việc áp dụng hình thức miễn kiểm tra thực tế hàng hóa và kiểm tra xác suất phải gắn liền với các biện pháp nghiệp vụ sau:

a) Chi cục trưởng Chi cục Hải quan phải tổ

chức ngay việc phúc tập hồ sơ để kịp thời phát hiện và xử lý sai sót, nhầm lẫn, gian lận, nếu vượt thẩm quyền thì báo cáo Cục trưởng Hải quan tỉnh, thành phố chỉ đạo; tổ chức lực lượng và tăng cường công tác giám sát, kiểm soát tại khu vực cửa khẩu để hỗ trợ cho việc làm thủ tục hải quan đúng pháp luật.

b) Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố phải tổ chức lực lượng và đẩy mạnh công tác tham mưu chống buôn lậu, kiểm soát hải quan, thu thập, phân tích thông tin để kịp thời phát hiện và xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật, vượt thẩm quyền thì báo cáo Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

c) Trên cơ sở phúc tập hồ sơ của Chi cục Hải quan cửa khẩu và thông tin do các đơn vị tham mưu trực thuộc Cục cung cấp và các nguồn thông tin khác, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố phải kịp thời xem xét, ra quyết định kiểm tra sau thông quan đối với những trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc phát hiện có sai sót, nhầm lẫn khi làm thủ tục thông quan hàng hóa.

2. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế quy định tại Quyết định số 1557/2001/QĐ-TCHQ ngày 28/12/2001, Điều 8 Quyết định số 19/2002/QĐ-TCHQ ngày 10/01/2002 và các văn bản hướng dẫn khác của Tổng cục Hải quan về vấn đề này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc gì, đề nghị các đơn vị cơ sở kinh doanh phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu hướng dẫn bổ sung./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

TRƯƠNG CHÍ TRUNG

THÔNG TƯ số 33/2003/TT-BTC ngày 16/4/2003 hướng dẫn thủ tục hải quan đối với bưu phẩm, bưu kiện, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính và vật phẩm, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh.

Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 được Quốc hội Khóa X, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/6/2001;

Căn cứ Nghị định số 101/2001/NĐ-CP ngày 31/12/2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan;

Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục hải quan đối với bưu phẩm, bưu kiện, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính và vật phẩm, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Bưu phẩm, bưu kiện, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (dưới đây gọi chung là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu) gửi qua dịch vụ bưu chính làm thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan Bưu điện quốc tế (Bưu cục ngoại dịch, Bưu cục cửa khẩu biên giới).

2. Vật phẩm, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (dưới đây gọi chung là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu) gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh (CPN):

- Trường hợp do doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính kinh doanh thì làm thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan Bưu cục ngoại dịch hoặc Chi cục Hải quan sân bay quốc tế.